

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2019/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 9 ... Ngày: ... 29/3/19

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử
tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý***Căn cứ Luật tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;**Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;**Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng ngày 28 tháng 3 năm 1997;**Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;**Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;**Căn cứ Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với người, người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền; tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến và rời cửa khẩu cảng; cấp thị thực tại các cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền và cửa khẩu cảng do Bộ Quốc phòng quản lý (sau đây viết gọn là thực hiện thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu).

2. Thủ tục biên phòng điện tử tại các cảng biển do Bộ Quốc phòng quản lý đối với tàu, thuyền Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh; tàu, thuyền, thuyền viên nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế, đồn Biên phòng cửa khẩu và trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính thuộc Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế, đồn Biên phòng cửa khẩu trên biên giới đất liền (sau đây viết gọn là Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền); Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, đồn Biên phòng cửa khẩu cảng và trạm Biên phòng cửa khẩu cảng thuộc đồn Biên phòng (sau đây viết gọn là Biên phòng cửa khẩu cảng).

2. Công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh (cá nhân hoặc theo đoàn) tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền; người nước ngoài (cá nhân hoặc theo đoàn) nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam tham quan, du lịch theo chương trình do doanh nghiệp lữ hành quốc tế tại Việt Nam tổ chức (sau đây viết gọn là Đoàn khách du lịch); người nước ngoài được cấp thị thực tại các cửa khẩu quốc tế trên biên giới đất liền và cửa khẩu cảng do Bộ Quốc phòng quản lý (sau đây viết gọn là người nhận thị thực tại cửa khẩu).

3. Công dân Việt Nam, người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền theo đoàn do bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc tương đương cử đi nước ngoài hoặc mời vào Việt Nam (sau đây viết gọn là Đoàn khách công vụ).

4. Người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, gồm:

a) Người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện cơ giới nước ngoài nhập, xuất cảnh tham gia giao thông tại Việt Nam theo quy định của Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch và Nghị định số 57/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch;

b) Người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh hoạt động theo quy định của các Hiệp định về vận tải đường bộ Việt Nam đã ký kết với các nước có chung biên giới và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là việc người làm thủ tục khai báo thông tin và Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin và xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử cho người, phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử hoặc thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và quy định tại Quyết định này khi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử được hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng là các thủ tục biên phòng, trong đó người làm thủ tục khai báo và Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng cho thuyền viên, hành khách, tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố.

3. Thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu là việc người làm thủ tục thực hiện khai báo thông tin và Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền, Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành khai báo thông tin trong cấp thị thực cho người nước ngoài tại cửa khẩu biên giới đất liền và cửa khẩu cảng thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử hoặc thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và quy định tại Quyết định này khi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử được hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Người làm thủ tục biên phòng điện tử (sau đây viết gọn là người làm thủ tục)

a) Người làm thủ tục đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh là cá nhân công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh hoặc là người do công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh ủy quyền thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền;

b) Người làm thủ tục đối với Đoàn khách du lịch và người nhận thị thực tại cửa khẩu là người được doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế Việt Nam ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền đối với Đoàn khách du lịch và người nhận thị thực tại cửa khẩu;

c) Người làm thủ tục đối với Đoàn khách công vụ là người được cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền đối với Đoàn khách công vụ;

d) Người làm thủ tục đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh là người được doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế Việt Nam hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền cho người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh;

đ) Người làm thủ tục đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng là chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển cho tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng.

5. Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử là điểm truy cập trên môi trường mạng, được xây dựng tích hợp trên cơ sở Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền và cảng biển; được tích hợp các thông tin, các dịch vụ và ứng dụng (tạo lập các mẫu đơn, tờ khai điện tử, hỗ trợ kết xuất để in mẫu đơn, tờ khai) qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin tại địa chỉ <http://thutucbienphong.gov.vn>.

Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử được kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định của Cơ chế một cửa quốc gia và kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Quốc phòng theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

6. Bản khai điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là biểu mẫu tờ khai dưới dạng điện tử mà người làm thủ tục phải khai báo khi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

7. Hồ sơ biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là tập hợp các bản khai điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

8. Khai báo thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là việc người làm thủ tục sử dụng mạng Internet thực hiện khai báo các bản khai điện tử và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

9. Thủ tục biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền theo cách thức thủ công là việc người làm thủ tục và Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện thủ tục biên phòng thông qua các bản khai giấy.

10. Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử của khẩu biên giới đất liền là việc Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền tiếp nhận, kiểm tra, xử lý thông tin, gửi Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử của khẩu biên giới đất liền cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

1. Đảm bảo sự bình đẳng, công khai, minh bạch, nhanh chóng, an toàn, thuận tiện; tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về giao dịch điện tử, xuất nhập cảnh và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Người làm thủ tục có thể lựa chọn hình thức thực hiện thủ tục biên phòng điện tử hoặc thực hiện thủ tục biên phòng theo cách thức thủ công.

Chương II

THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ TẠI CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ CỦA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

Điều 5. Thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục biên phòng điện tử của khẩu biên giới đất liền

1. Thời gian:

Thủ tục biên phòng điện tử của khẩu biên giới đất liền được thực hiện 24/24 giờ hàng ngày, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ.

2. Địa điểm:

a) Người làm thủ tục khai báo hồ sơ biên phòng điện tử và nhận xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử của khẩu biên giới đất liền bằng tài khoản đã được cấp tại bất kỳ nơi nào có thể truy cập Internet;

b) Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại Nhà kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính.